TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2019
"*V/v Tranh chấp ly hôn* "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Chau Khiêng Sóc.

- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc " *Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Neáng Sóc N, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ 7, ấp H, xã N, huyện T, An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Anh Kim H, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ 03, ấp H, xã N, huyện T, An Giang – Có mặt.

Người phiên dịch: Chau Sóc Sin – địa chỉ: Ấp An Hòa, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, An Giang - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 13 tháng 11 năm 2017 và lời khai tại Tòa án, chị Neáng Sóc N trình bày:

Chị và anh Kim H quen biết nhau, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2011 và đến ngày 01/02/2013 đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nui Tô, huyện Tri Tôn. Sau kết hôn anh H sống bên gia đình chị địa chỉ Tổ 7, ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, An Giang , thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị

và anh H xảy ra nhiều mâu thuẩn và bất đồng trong quan điểm sống, đỉnh điểm tháng 12 năm 2015 anh H bỏ về bên gia đình anh địa chỉ: Tổ 03, ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, An Giang sông cho đến Ny. Trong khoản thời gian sống ly thân chị và anh H khồng có gặp nhau nói chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện tại anh H đã sống với người phụ nữ khác, đã có con riêng Ny tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Kim H.

Về con chung: Chị và anh Kim H có 01 con chung tên Chau Kim Linh, sinh ngày 13/01/2014, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Kim H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị N về điều kiện kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẩn là do bất đồng trong quan điểm sống, anh thừa nhận hiện tại anh và chị N sống ly thân và con chung như chị N đã trình bày, Ny chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với chị N vì anh và chị N không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng.

Về con chung: Anh và và chị N có 01 con chung tên Chau Kim Linh, sinh ngày 13/01/2014, khi ly hôn anh đồng ý cho chị N được tiếp tục nuôi con, anh không cấp dững nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên Tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên Toà Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 26,35,39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán để án trể hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử*: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Toà các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh H là bị đơn có nơi cư trú: Tổ 03, ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Neáng Sóc N cho rằng năm 2011 chị và anh H được hai gia đình tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tô huyện Tri Tôn, ngày 01/02/2013. Tại thời điểm kết hôn chị N và anh H đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị N cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng tháng 12 năm 2015 thì chị và anh H phát sinh mâu thuẫn, anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột địa chỉ tổ 03, ấp H, xã N, huyện T, An Giang sống cho đến Nay. Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm Nay chị N cương quyết ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc đồng thời tại phiên Tòa anh H cũng xác nhận không thể chung sống và hàn gắn do đó yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh H là có căn cứ chấp nhận và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N được lý hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị N và anh H có 01 con chung tên Chau Kim Linh, sinh ngày 13/01/2014, khi ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường, nên giao cháu Linh cho chị N được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị N khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Neáng Sóc N đối với anh Kim H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Neáng Sóc N được ly hôn anh Kim H

2. *Về nuôi con chung*: Chị Neáng Sóc N được trực tiếp nuôi dạy cháu Chau Kim L, sinh ngày 13/01/2014, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. *Về án phí*: Chị Neáng Sóc N chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/0018295 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người *được* thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh